

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 7 - 2018

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Trường Thọ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/Ông Nguyễn Kinh Kha.

2/Bà Châu Khi Khấp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX - ST ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(tất cả có mặt trước Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày yêu cầu khởi kiện:* Bà Q và ông T sống chung vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An vào năm 2003. Sau khi kết hôn bà Q và ông T, thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng từ năm 2015 bà Q và ông T phát sinh mâu thuẫn do ông T hay đánh đập bà Q dẫn đến vợ chồng bất hòa với nhau. Bà Q và ông T không sống chung từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Bà Q và ông T có 02 con chung tên Lê Vũ K, sinh ngày 17/5/2000 và Lê Thị Diễm M, sinh ngày 18/01/2004, con chung hiện đang sống chung với ông T. Nay bà Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông T; về con chung, bà

Q đồng ý để ông T nuôi con Lê Thị Diễm M, bà Q không cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Lê Vũ K đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập nên bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung, bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Lê Văn T trình bày yêu cầu:* Về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và con chung đúng như bà Q trình bày nhưng về mâu thuẫn gia đình thì ông T không thường xuyên đánh bà Q mà chỉ có đánh bà Q một vài lần những lúc nóng giận nhưng từ năm 2018 ông T không đánh bà Q. Trong Q trình sống chung, ông T và bà Q có 02 con chung tên Lê Vũ K và Lê Thị Diễm M, các con hiện đang sống chung với ông T. Nay bà Q yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông T còn thương bà Q và muốn vợ chồng hàn gắn nhưng nếu Tòa án cho ly hôn thì ông T đồng ý nuôi con chung Lê Thị Diễm M, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Lê Vũ K đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị Q và ông Lê Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T cư trú trên địa phận huyện Thanh Hóa, bà Q khởi kiện yêu cầu ly hôn, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T, ông T không đồng ý ly hôn với bà Q do ông T còn thương bà Q và muốn hàn gắn với bà Q. Bà Q trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông T thường xuyên đánh bà Q, ông T thừa nhận có đánh bà Q khi lúc nóng giận và ông T đưa ra biện pháp hàn gắn vợ chồng là không đánh bà Q nhưng không được bà Q chấp nhận và bà Q kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T. Bà Q và ông T trình bày thống nhất đã không sống chung từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, các bên không còn quan tâm tới nhau, bà Q xác định không còn tình cảm với ông T. Qua lời trình bày của các đương sự thể hiện tình trạng mâu thuẫn là trầm trọng, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân chỉ đạt được khi trong cuộc sống chung cả hai cùng quan tâm đến nhau và cả hai đương sự phải còn tình cảm với nhau nhưng bà Q đã hết tình cảm với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà Q và ông T không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông T.

[3] *Về con chung:* Bà Q và ông T thỏa thuận ông T nuôi con tên Lê Thị Diễm M, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng. Bên cạnh đó, tại bản tự khai ngày 26/6/2018 cháu Lê Thị Diễm M có nguyện vọng được sống chung với ông T nên cần ghi nhận tự nguyện thỏa thuận này giữa bà Q và ông T. Riêng con chung Lê

Vũ K đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập, bà Q và ông T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Q và ông Lê Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q đối với ông Lê Văn T.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Q ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Ông Lê Văn T được quyền nuôi con tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 18/01/2004, con chung hiện đang sống chung với ông T, bà Q không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Q đã nộp theo biên lai số 0004065 ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa sang thi hành án phí, bà Q đã nộp xong án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- THADS huyện Thạnh Hóa;
- UBND xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phùng Trường Thọ